

Bài tập	Câu	Đáp án
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	1. 你叫____名字？	什么
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	2. 我____越南人。	是
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	3. 你是老师____？	吗
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	4. 你是____国人？	哪
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	5. 我____是中国人。	不
Bài 1 – Điền từ (什么 / 是 / 吗 / 哪 / 不 / 呢)	6. 我是学生，你____？	呢
Bài 2 – Nói câu hỏi với câu trả lời	1. 你叫什么名字？	我叫阮文安。
Bài 2 – Nói câu hỏi với câu trả lời	2. 你是哪国人？	我是越南人。
Bài 2 – Nói câu hỏi với câu trả lời	3. 你是老师吗？	不是，我是学生。
Bài 2 – Nói câu hỏi với câu trả lời	4. 认识你很高兴！	认识你我也很高兴！